JEFFCO PUBLIC SCHOOLS

HỌC KHU
LỊCH GIA ĐÌNH
2026-2027

www.jeffcopublicschools.org
FB: JeffcoPublicSchoolsColorado
TW: @jeffcoschoolsco
IG: jeffcoschoolsco

THÁNG BẢY 2026

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

THÁNG TÁM 2026

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

THÁNG CHÍN 2026

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

THÁNG MƯỜI 2026

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

THÁNG MƯỜI MỘT 2026

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

THÁNG MƯỜI HAI 2026

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

Ngày Đầu Năm học cho Tất cả Học sinh
Ngày 19 Tháng Tám

Ngày Cuối Năm học cho Tất cả Học sinh
Ngày 27* Tháng Năm

*THÔNG BÁO TAN TRƯỜNG NGÀY CUỐI NĂM HỌC:

Vào ngày 27 Tháng Năm, tất cả các trường thuộc học khu từ mẫu giáo đến lớp 12 sẽ tan học sớm hơn **2.5 tiếng so với giờ tan trường thường lệ**.

Lịch này không áp dụng với các trường **đặc quyền**.** Các gia đình có con theo học tại các trường đặc quyền nên liên hệ trực tiếp với trường để biết thông tin về giờ tan học vào ngày 27 Tháng Năm.

Ngày Có thể Học bù cho những Ngày Tuyết Rơi dày
Ngày 12 Tháng Hai*, Ngày 29 Tháng Ba*, Ngày 30 Tháng Tư*

Ngày Học sinh Nghỉ học

Nghỉ Hè: Từ 1 Tháng Bảy - 18 Tháng Tám
Nghỉ Thu: Từ 12-13 Tháng Mười
Nghỉ lễ Tạ ơn: Từ 23-27 Tháng Mười Một
Nghỉ Đông: Từ 21 Tháng Mười Hai - 5 Tháng Một
Nghỉ Xuân: Từ 22-26 Tháng Ba
Ngày 30 Tháng Tư*
Ngày Bồi dưỡng Giáo viên:
- Từ 11-14, 17, 18 Tháng Tám
- Ngày 18 Tháng Chín
- Ngày 4, 5 Tháng Một
- Ngày 12 Tháng Hai*
- Ngày 29 Tháng Ba*
- Ngày 28 Tháng Năm

Nghỉ Hè: Từ 28 Tháng Năm - 30 Tháng Sáu

Ngày lễ Chính thức – được nghỉ (không đi học)

Ngày lễ Lao động – Ngày 7 Tháng Chín
Ngày lễ Tạ ơn - Ngày 26 Tháng Mười Một
Ngày Giáng sinh – Ngày 25 Tháng Mười Hai
Ngày Năm Mới – Ngày 1 Tháng Một
Ngày Martin Luther King – Ngày 18 Tháng Một
Ngày Tổng thống – Ngày 15 Tháng Hai
Ngày lễ Tưởng niệm – Ngày 31 Tháng Năm
Ngày Juneteenth (được nghỉ) – Ngày 18 Tháng Sáu

Ngày học Điều chỉnh - Các ngày học điều chỉnh bổ sung sẽ được xác định trên lịch của từng trường.

THÁNG MỘT 2027

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

THÁNG HAI 2027

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12*	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

THÁNG BA 2027

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29*	30	31			

THÁNG TƯ 2027

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30*	

THÁNG NĂM 2027

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

THÁNG SÁU 2027

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

Ngày học của học sinh:	Học kỳ đầu tiên = 79	Học kỳ thứ hai = 92
Ngày làm việc của giáo viên:	Học kỳ đầu tiên = 87	Học kỳ thứ hai = 98